

Mấy đề xuất cụ thể để phát triển kinh tế - xã hội Đồng bằng sông Cửu Long

TRẦN KHUYẾT NGHI

Ở ĐBSCL, thiết tưởng hiện có 5 nhóm vấn đề sau đây cần được xét kỹ để từ đó đưa ra hàng loạt giải pháp cụ thể cho từng vấn đề một. Đó là: giáo dục, y tế, người dân tộc, tôn giáo, và cải cách hành chính.

I. Vấn đề phát triển giáo dục ĐBSCL

Thực tế tụt hậu về giáo dục ở ĐBSCL hiện đang được coi là một "nghịch lý đau lòng", khi chúng ta được biết khả năng đóng góp của nó vào nền kinh tế chung cả nước là rất đáng kể (36% giá trị sản xuất nông nghiệp) nhưng mức hưởng thụ giáo dục của nhân dân trong vùng lại rất thấp, kém xa so với Đồng bằng Sông Hồng và Đông Nam Bộ, thậm chí còn thấp hơn cả một số vùng miền núi. Theo những kết quả điều tra mới nhất, tại ĐBSCL, có tới 10% dân số trên 10 tuổi chưa biết chữ và khoảng 45% dân số trong độ tuổi học THPT chưa đến trường lớp; tỉ lệ bỏ học của cấp này lên tới 14-15%. Riêng vùng nông thôn có tới 45% người dân chưa hoàn tất bất kỳ cấp học nào.

Nguyên nhân có thể xuất phát từ rất nhiều yếu tố, trong đó có cả yếu tố tâm lý vùng, điều kiện đường sá đi lại..., nhưng chủ yếu vẫn là do khả năng tiếp cận với giáo dục còn hạn chế khá lớn ở cả hai chiều: về phía người dân là khả năng thu nhập thấp khiến không thể đầu tư lâu dài cho việc học của con cái, trong khi đó về phía Nhà nước, việc đầu tư phát triển cho giáo dục-đào

tạo vẫn còn nhiều mặt hạn chế, bất cập. Đây có thể không phải hoàn toàn thuộc về khả năng yếu kém của ngân sách, mà còn do ở khâu sử dụng ngân sách, khi mọi người đều biết rằng ở không ít nơi, việc xây cất cơ sở trường ốc đã bị tư túi, lạm dụng khá nhiều, để xảy ra có trường học vừa xây xong đã hỏng, như báo chí từng phản ánh không ít đó đây về một số trường học ở Bạc Liêu, Cà Mau, và những nơi khác... Việc thực hiện nền giáo dục không mất tiền áp dụng cho bậc tiểu học trên thực tế đến nay vẫn chưa làm được, trên toàn quốc cũng như tại ĐBSCL. Ở các cấp 2, 3, việc đi học của con em vẫn còn là một gánh nặng tài chính đối với phụ huynh do các khoản phí đóng góp, là một trở ngại đáng kể gây nên tình trạng bỏ học với tỉ lệ cao. Về lực lượng giáo viên, thu nhập thực tế của giáo viên vùng ĐBSCL hiện nay vẫn còn thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước, cũng là một trở ngại đáng kể ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.

ĐBSCL là vùng phát triển mạnh về cây lúa và thủy sản, nhưng lại có nghịch lý là không đào tạo được chuyên viên kỹ thuật cao tại chỗ cho các ngành hữu quan, vì không có sinh viên chịu ghi tên vào học những ngành này, thậm chí có năm trường Đại học Cần Thơ không tuyển được một sinh viên thủy sản nào. Nghịch lý này là một minh chứng hùng hồn cho sự bất cập về cơ cấu-kế hoạch đào tạo đồng thời cũng phản ánh rõ nét những hạn chế về chất lượng đào tạo và chính sách sử

dụng cán bộ sau khi đã tốt nghiệp ra trường, từ đó không gây được sự thu hút cần thiết. Ở một xứ nông nghiệp mà có rất ít người chịu học ngành nông nghiệp, điều này cung cấp thông tin sinh động về những bất hợp lý rất căn bản và lớn trong khâu đào tạo nhân lực, buộc các cấp hữu quan phải xem xét lại vấn đề một cách toàn diện.

Để khắc phục những yếu kém nêu trên, các chính quyền địa phương cần giảm mạnh chi tiêu cho những dự án chưa thật sự cần thiết trước mắt để tập trung ngân sách cho phát triển giáo dục, đặc biệt cho các cấp I, II và III, bằng cách sử dụng các quỹ có sẵn (trong đó tiền thu từ vé số kiến thiết phải được coi là một nguồn đáng kể thường xuyên) vào việc trợ giá cho các giáo viên ở vùng sâu vùng xa như có nhiều nơi đã làm nhưng chưa thực hiện được rốt ráo đều đặn. Chú trọng hơn nữa vào việc xây cất, sửa chữa phòng học cho các vùng nông thôn, **tiến tới việc thực hiện nền giáo dục tiểu học miễn phí hoàn toàn cho tất cả các khu vực nông thôn trong mỗi tỉnh**. Đặc biệt, phải tinh giản thủ tục nhập học dành cho bậc tiểu học tới mức tối đa (chỉ còn mức thủ tục zero), để bất kỳ con em nào trong độ tuổi bắt đầu đi học cũng có thể vào trường học được. Trong một xã, nếu có một trẻ em đến tuổi đi học mà không vào trường, hoặc học được vài năm bỏ dở thì chủ tịch UBND xã và hiệu trưởng trường tiểu học sở tại phải cộng đồng trách nhiệm.

Ở cấp đại học, Chính phủ cần đầu tư ngân sách để tài trợ thêm cho các trường đại học thường xuyên có sẵn tại mỗi tỉnh, đặc biệt là đối với một số trường mang tính chất vùng như Đại học Cần Thơ, Đại học An Giang thì cần phải tập trung tài lực nhiều hơn nữa để nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, thiết bị giảng dạy, tăng thêm số ngành học, số lượng giáo viên và năng lực giảng dạy của số giáo viên thực thụ tại chỗ

sao cho tất cả đều ngang bằng với chất lượng đào tạo so với các trường ở TP.HCM hoặc Thủ đô Hà Nội, để thu hút số sinh viên trong các tỉnh lân cận vào học. Tăng thêm số lượng và giá trị học bổng cho những ngành cần khuyến khích như nông nghiệp và thủy sản. Nên khuyến khích kiều bào có vốn ở nước ngoài, đặc biệt là giới trí thức đại học, mạnh dạn đầu tư vào các đại học địa phương dưới sự ủng hộ về đất đai, địa điểm của Nhà nước, để vừa có thêm tiềm lực xây dựng cơ bản vừa nâng cao chất lượng giảng dạy, đồng thời mở thêm được những ngành mới phù hợp với yêu cầu phát triển thực tế của đất nước.

Thực hiện được các giải pháp nêu trên ít nhất sẽ đạt được hai tác dụng lớn có tính chiến lược, đó là vừa giảm tải cho một số đại học công lập tại TP.HCM, thu hút bớt số giáo viên về phục vụ tại các đại học địa phương, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong vùng tiếp cận với giáo dục đại học một cách dễ dàng hơn nhờ rút bớt được số chi phí đáng kể đáng ngại khi không còn bắt buộc phải đi học xa.

II. Về phát triển y tế ở ĐBSCL

Chính phủ trung ương và chính quyền địa phương nên có sự phối hợp chặt chẽ để đầu tư thêm ngân sách và một cách có hiệu quả, không để thất thoát, cho tất cả các công trình bệnh viện hoặc cơ sở y tế, tuyến điều trị đã có sẵn tại ĐBSCL. Đặc biệt, nâng cấp bệnh viện Cần Thơ thành một bệnh viện đa khoa khu vực có đủ tất cả các thiết bị y tế hiện đại, tăng cường số y-bác sĩ giỏi, số phòng, giường bệnh; phát triển chuyên sâu một số khoa hiện có như cấp cứu, ngoại khoa..., để chữa trị kịp thời và hiệu quả hơn cho người bệnh quanh vùng mà không cần phải chuyển bệnh lên các tuyến trên, vừa chậm trễ vừa tốn kém. Mở thêm khoa Ung bướu để giảm tải cho Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Ung

bướu tại TP.HCM. Tập trung tăng cường cơ sở vật chất và chất lượng đào tạo cho các trường y được cả ba bậc đại học, cao đẳng và trung cấp ở các địa phương, đặc biệt đối với tỉnh Cần Thơ, để cung cấp cán bộ cho số bệnh viện hoặc cơ sở điều trị khác đang được phát triển.

III. Vấn đề người dân tộc ở ĐBSCL

Ở ĐBSCL, có ba vùng dân cư tập trung đồng bào dân tộc Khmer: Sóc Trăng - Bạc Liêu, An Giang - Kiên Giang và Trà Vinh.

Theo số liệu của cuộc Tổng điều tra dân số năm 1999, có 1.055.000 người Khmer sống ở 10 tỉnh thành Nam Bộ, tập trung nhiều nhất ở các tỉnh ĐBSCL như Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, An Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Cà Mau (chiếm 6,5% dân số ĐBSCL).

Nhìn chung, nếu đời sống kinh tế và mức hưởng thụ về văn hóa-giáo dục-y tế của đồng bào người Kinh ĐBSCL đã thấp thì mức độ này đối với đồng bào người Khmer trên thực tế lại càng thấp hơn. Đồng bào Khmer sống chủ yếu bằng nghề ruộng rẫy và phân bố hầu hết tại các vùng nông thôn còn khá lạc hậu, nên số học sinh đạt được bậc tiểu học, trung học cơ sở còn rất thấp; số thạc sĩ, tiến sĩ tính trên toàn vùng (cùng có nghĩa là trên cả nước) thì hầu như có thể nói chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Theo số liệu thống kê năm 1999 thì trong số người Khmer có trình độ học vấn, tính dân số từ 5 tuổi trở lên, bậc tiểu học chiếm 53,03%, trung học cơ sở 11,86%, trung học phổ thông 4,99%; tỉ lệ nữ người Khmer chưa đến trường chiếm tỉ lệ rất cao và có thể xem như phần lớn số người này còn mù chữ. Với tỉ lệ học vấn phổ thông cơ sở chỉ đạt 11,86% như nói trên thì việc số người trẻ Khmer chuẩn bị tham gia vào lực lượng lao động tất nhiên khó đạt được chất lượng ngang bằng với

trình độ xã hội nói chung. Riêng việc học tiếng Khmer, chủ yếu chỉ được các sư sãi thực hiện một cách không chính thức trong các chùa tại các phum sóc, còn việc học chính quy trong nhà trường phổ thông hoặc trong các trường đặc biệt gọi là "phổ thông dân tộc nội trú" do Chính phủ thiết lập ở một số tỉnh có người Khmer cư trú tuy vẫn được thực hiện theo chương trình của Bộ GD-ĐT, mỗi tuần 3-4 tiết, nhưng nói chung còn hời hợt và chất lượng chưa cao. Năm học 2001-2002, theo số liệu thống kê của Phòng GD-ĐT huyện Tri Tôn (An Giang), trong số 5.055 học sinh tiểu học người Khmer, chỉ có 1240 em được học tiếng Khmer, chiếm tỉ lệ 24,5%. Sách dùng cho giảng dạy và đọc thêm chưa được phong phú. Vào các phum sóc, chúng ta hầu như khó thấy được một người nông dân Khmer nào có sách báo để đọc, càng không có thói quen đọc sách báo. Có thể nói, mức hưởng thụ văn hóa-giáo dục của đồng bào Khmer ở ĐBSCL là rất thấp.

Về mức sống vật chất, tỉ lệ hộ nghèo trong cộng đồng người Khmer luôn cao hơn người Kinh và người Hoa cùng sinh sống tại địa phương. Tỉ lệ hộ nghèo người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng là 42,92%, trong khi tỉ lệ này ở người Kinh là 26,61%, còn người Hoa là 18,12%...

Những thiệt thòi nêu trên của cộng đồng người Khmer ở ĐBSCL cũng là một nghịch lý không thể chấp nhận được, trong khi họ đã cùng với đồng bào người Kinh từ bao trăm năm trước ra sức khai phá vùng đất Nam Bộ để tạo thành những mảnh đất phì nhiêu đẹp đẽ như ngày hôm nay, với biết bao kỷ niệm của cuộc chung sống hòa bình, đồng cam cộng khổ. Chính vì vậy, Chính phủ cần phải có những chính sách đặc biệt hơn nữa, chẳng những không phân biệt đối xử mà còn có phần ưu đãi nhiều hơn để tạo điều kiện thật tốt cho sự phát triển của cộng đồng Khmer trên cả hai phương diện đời

sống văn hóa tinh thần lẫn vật chất. Và điều này không chỉ thể hiện trên các văn bản có tính pháp quy mà cần đi sâu hơn nữa vào thực chất, bằng việc tuyên truyền, giáo dục cho cả hai cộng đồng Kinh-Khmer tinh thần thương yêu đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau một cách chân tình để cùng phát triển.

Tại các trường học vùng DBSCL, đặc biệt ở những khu vực dân cư có đông người Khmer như Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh..., nên có những buổi học và sinh hoạt ngoại khóa giúp tăng cường ý thức về cung cách đối xử chan hòa tình cảm giữa các cộng đồng dân tộc, coi việc giúp đỡ các cộng đồng còn yếu kém khác như là một nghĩa vụ thiêng liêng cao cả có ý nghĩa nhân bản trong mối tương giao con người. Trên thực tế, do sự nhận thức chưa tốt của một số cán bộ chính quyền cấp cơ sở người Kinh, nên dấu đó vẫn còn có những cung cách ứng xử chưa thật hết lòng, chưa thật bình đẳng, và dấu đó vẫn còn có chuyện lạm dụng một số chính sách ưu đãi Chính phủ dành cho người dân tộc Khmer để mưu lợi cho cá nhân, gia đình mình, như có thể kể việc một số cán bộ người Kinh đã tước lấy cho con em mình những học bổng và chế độ tuyển thẳng đại học, thay vì dành cho người dân tộc, bằng những cách thức lươn lẹo mà có lúc báo chí đã nêu ra tại một số địa phương.

Đối với đồng bào người Khmer, điều quan trọng là phải tôn trọng hơn nữa những tín ngưỡng và phong tục tập quán truyền thống của họ. Riêng việc thực hiện tự do tín ngưỡng, tuy đã làm tương đối tốt, cơ bản được sự đồng tình của đồng bào, nhưng cũng có để xảy ra vài trường hợp giải quyết chưa tốt, xâm phạm đến chùa chiền.

Về công tác giáo dục, nên tăng cường các bộ phận phụ trách về giảng dạy ngôn ngữ Khmer tại các Sở giáo dục để mọi người Việt gốc

Khmer không phân biệt nam nữ đều được học tiếng mẹ đẻ của mình. Tổ chức thêm các lớp đào tạo giáo viên dạy tiếng Khmer. Thi hành chế độ giáo dục tiểu học không mất tiền ưu tiên cho người dân tộc Khmer; tăng thêm số học bổng ưu đãi dành cho học sinh các cấp II, III, và cho các trường phổ thông dân tộc nội trú. Tranh thủ các nguồn tài trợ quốc tế về giáo dục để tổ chức tốt việc biên soạn, in và phát không tất cả các sách giáo khoa, sách đọc thêm, sách giải trí bằng song ngữ Khmer-Việt nhằm giúp trau dồi ngôn ngữ và tăng cường sự hiểu biết, cảm thông hơn nữa giữa hai dân tộc.

Người Khmer Nam Bộ ngoài những sinh hoạt có tính chất tôn giáo, tín ngưỡng, còn có những sinh hoạt về văn học-nghệ thuật rất đa dạng và phong phú, nhất là văn học dân gian với nhiều truyện cổ tích, thần thoại, ngụ ngôn, truyện cười, ca dao, tục ngữ, nói lái, câu đố... Chính phủ, cụ thể là Sở văn hóa ở các địa phương nên có kế hoạch tổ chức bảo tồn những tác phẩm đã được các nghệ nhân thời xưa viết trên lá cọ, lá thốt nốt hiện đang được lưu giữ ở các chùa; tiến hành dịch thuật và phổ biến rộng rãi các nội dung trên vừa để phục vụ công tác giáo dục vừa để bảo tồn những sản phẩm văn hóa truyền thống của các địa phương.

IV. Vấn đề tôn giáo ở DBSCL

Một trong những đặc điểm quan trọng nhất của cộng đồng dân cư DBSCL là sự xuất hiện từ hơn nửa thế kỷ nay hai tôn giáo có tính cách địa phương là Cao Đài và Hòa Hảo, nên không thể có sự xem xét đúng mức các vấn đề phát triển dân sinh mà lại không quan tâm đến sự có mặt của hai tôn giáo bản địa quan trọng này.

Đạo Cao Đài còn gọi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời từ năm 1926 là một tôn giáo có chủ trương tổng

hợp các nền đạo lý theo phương châm kết tinh kim cổ, dung hòa đông tây; nhờ có tính cởi mở nên rất thích hợp để phát triển ở vùng đất mới Nam Bộ. Đây là một tôn giáo mới độc đáo của riêng người Việt Nam từ lâu đã được ghi nhận trong các từ điển bách khoa hoặc tôn giáo của thế giới, với số tín đồ khoảng 2,5 triệu người phần lớn đều gốc nông dân, chủ yếu dạy con người phát triển tình huynh đệ trong sự tương thân tương ái giữa người với người, làm việc từ thiện, giúp đỡ những người nghèo khó. Đặc điểm xã hội nổi bật nhất của tín đồ đạo Cao Đài là phần lớn họ còn quá nghèo.

Đạo Hòa Hảo, còn gọi Phật giáo Hòa Hảo, cũng là một tôn giáo bản địa. Hòa Hảo nói lên tinh thần mọi người hòa thuận với nhau, chủ yếu dạy con người ăn hiền ở lành, làm việc thiện; đề cao thuyết "Phật tức Tâm", nêu phương thức hành đạo rất giản dị (cúng Phật chỉ bằng nước lạnh và hương hoa), bài trừ những điều mê tín dị đoan. Là một tôn giáo mới nhưng đã tập hợp được nhiều tín đồ nông dân ở miền Tây Nam Bộ, hiện nay số tín đồ đã lên tới trên 1,5 triệu người; và cũng như đạo Cao Đài, đời sống của tín đồ Hòa Hảo phần lớn đều đang khó khăn.

Các cuộc điều tra xã hội trước nay đều cho thấy, tại những khu vực của đạo Cao Đài và Hòa Hảo, đời sống đạo đức của nhân dân phát triển rất lành mạnh, chấp hành luật pháp nghiêm chỉnh, góp phần tích cực vào việc duy trì đạo đức xã hội.

Tuy nhiên trong quá khứ, do một số vấn đề ngoắt ngoéo của lịch sử để lại, giữa hai tôn giáo này và chính quyền cách mạng vẫn còn đọng lại một số tâm tư, ý nghĩ chưa thật sự hòa hợp, điều này đã gây cản trở không ít cho việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Từ năm 1995, tiếp tục thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết các tôn giáo, Chính phủ đã có thêm

những bước điều chỉnh thích hợp, bằng việc thành lập Ban đại diện Phật giáo Hòa Hảo, nhờ vậy giáo lý “Học Phật tu Nhân” thực hành “Tứ Ân” của đức Huỳnh Giáo chủ càng có điều kiện để phổ biến rộng rãi, khuyên mọi người lo làm điều thiện. Cũng từ năm 1995, đã có 9 hội thánh Cao Đài được công nhận hoạt động hợp pháp, gây được lòng phấn khởi trong đại đa số tín đồ, tuy nhiên trong cách thực hiện cụ thể, một số nơi chính quyền vẫn còn có những biểu hiện chưa thật tốt trong quan hệ nhà nước-tôn giáo, như khuynh hướng can thiệp, kiểm soát quá sâu vào tổ chức nội bộ của Đạo, phân biệt đối xử, đôi khi còn có chuyện lấy đất lấy chùa không trả. Đây là một số khuyết điểm mà trong thời gian trước mắt và lâu dài, phải tìm mọi cách khắc phục, nhằm củng cố hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc, vì mục tiêu phát triển đất nước, phát triển con người, cũng là một cách để hóa giải triệt để những ngộ nhận, lầm lỡ hoặc của bên này hoặc của bên kia trong quá khứ lịch sử.

Đối với hai tôn giáo bản địa ĐBSCL Cao Đài và Hòa Hảo, cần phát huy hơn nữa những gì đã làm được trong quan hệ đối xử, tạo điều kiện để cho tất cả tín đồ đều thực hiện tốt phương châm “đẹp đạo tốt đời”, như chính ý hướng và chủ trương căn bản của các vị giáo chủ. Ngoài ra, cần có những trợ giúp cụ thể thêm về cơ sở vật chất, như chùa chiền, chỗ nơi sinh hoạt, nhất là cho các phòng thuốc nam, các cơ sở chữa bệnh từ thiện mà hai tôn giáo này từ lâu đã làm khá tốt, đem lại lợi ích thiết thực đáng kể cho dân nghèo ĐBSCL.

Phải khách quan thừa nhận rằng, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, là một hiện tượng xã hội, một thành tố văn hóa, một bộ phận của đời sống tinh thần con người. Tôn giáo đã ảnh hưởng rất sâu sắc đến đời sống chính trị, văn

hóa, tâm lý, đạo đức, phong tục tập quán và lối sống của nhiều dân tộc. Hiến pháp năm 1992, điều 70 đã ghi rõ: “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tín ngưỡng nào; các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thừa tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được luật pháp bảo hộ”.

Về chính sách đối với các tôn giáo, sự việc đã quá rõ. Vấn đề là phải quyết tâm và thành tâm thực hành cho sát đúng; trong quá khứ nếu có gì sai sót, phải thật lòng điều chỉnh ngay, không được chậm trễ.

V. Xây dựng chính quyền địa phương vững mạnh

Mọi ý đồ tốt đẹp của chính phủ về các chủ trương đường lối giải pháp phát triển ĐBSCL rất cuộc sẽ chỉ là ảo vọng nếu chúng ta không xây dựng được các chính quyền địa phương thật sự vững mạnh, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Trong cái nền chung của yêu cầu cải cách hành chính toàn quốc, việc chỉnh đốn nền hành chính ở các tỉnh ĐBSCL nổi bật lên thành một vấn đề quan trọng. Tuy đã có cải cách một bước nhìn chung xuất hiện nhiều dấu hiệu lạc quan, song hiện nay một nền hành chính không hiệu quả, tác phong hành chính quan liêu, đày đọa, nhất là nông dân và dân nghèo, đang vẫn là những điều tai tiếng không ít, diễn ra khá phổ biến tại các tỉnh ĐBSCL, nhất là tại các cấp huyện, xã. Việc này báo chí đã phản ánh khá nhiều vụ việc cụ thể.

Trong phạm vi thực hành pháp luật, không ít vụ án oan sai vẫn thỉnh thoảng xảy ra; việc chấp pháp không nghiêm, gây nên nhiều nỗi oán than trong dân làm ảnh hưởng không tốt đến uy tín của Nhà nước. Tại một số tỉnh ĐBSCL, việc quy hoạch, xây dựng các dự án và đền bù giải tỏa đất đai cho dân nhiều nơi thực hiện còn chưa tốt,

phần lớn chưa chú trọng đúng mức đến quyền lợi chính đáng của thường dân và dân nghèo, thậm chí có nơi cán bộ còn lợi dụng chức quyền hoặc sử dụng thủ đoạn tinh vi để chiếm hữu bất hợp pháp đất đai của dân, nên cũng đã gây nhiều nỗi bất bình và khiếu kiện tập thể trong dân, nhưng nói chung việc giải quyết vẫn còn chậm và chưa thỏa đáng so với nguyện vọng của người dân.

Tại các vùng nông thôn, dân đã nghèo, nhưng lại vẫn phải gánh vác nhiều khoản đóng góp nghĩa vụ, là một điều hoàn toàn không hợp lý. Mới đây Chính phủ vừa có chỉ thị cho rà xét lại các khoản đóng góp, nhằm giảm bớt gánh nặng cho dân nghèo, là một việc làm rất đáng hoan nghênh, nhưng nếu có thể mạnh dạn hơn đến mức loại bỏ hẳn các khoản đóng góp cho các vùng sâu vùng xa thì càng tốt.

Triết lý căn bản là mọi hành vi chính quyền đều phải vì con người, lấy việc phục vụ cho hạnh phúc con người làm trung tâm, chứ không phải chỉ biết khai thác các nguồn lực con người cho mục tiêu phát triển sản xuất, vì mọi sự phát triển tốt đẹp nếu có về kinh tế-xã hội, rồi cuộc đời phải trở lại phục vụ cho con người. Do vậy cần thực hiện một nền hành chính thông thoáng và hiệu quả, để không chỉ tạo điều kiện cần thiết cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội đã đề ra, mà còn để tạo sự thoải mái dễ chịu cho từng người dân một khi họ có dịp cần phải tiếp xúc với bộ máy công quyền. Việc phát triển một nền dân chủ thật sự rộng rãi để cho tất cả mọi người dân đều được hưởng do vậy cũng không vượt ra ngoài ý hướng và triết lý căn bản như đã nêu trên. Đó cũng là điều kiện thiết yếu để thực hiện một bộ máy công quyền lành mạnh, góp phần xây dựng một xã hội dân chủ giàu mạnh cho cả nước nói chung và cho ĐBSCL nói riêng ■